TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/DS-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v *tranh chấp hợp đồng tín dụng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Châu Hùng;

- Ông Huỳnh Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225A/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng X (HDBank); địa chỉ trụ sở: 2xx Nguyễn Thị Minh Khai, phường B, quận 1, thành phố X.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Quốc Thanh, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo Hân, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ (theo quyết định ủy quyền số 735/2021/QĐ-TGĐ ngày 15/4/2021)

Người được ủy quyền lại: Ông Quách Văn Hảo, chức vụ: Trưởng Xử lý nợ khu vực – Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố X (theo giấy ủy quyền ngày 11/7/2022).

Bị đơn: Bà Lưu Thị Kim H, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 01, khóm C, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Quách Văn Hảo có măt; bị đơn bà Lưu Thị Kim H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng X (viết tắt là Ngân hàng) trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngân hàng có cho bà Lưu Thị Kim H vay theo Hợp đồng tín dụng số 18421/21MN/HĐTD ngày 08/5/2021 số tiền 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 18421/21MN/HĐTD/PL01 ngày 04/10/2021 số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, Đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 25/3/2021số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Đến ngày 25/5/2022, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 2.699.210.012 đồng. Mục đích vay: Bù đắp vốn chăn nuôi và phục vụ tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay: Thay đổi theo từng thời kỳ.Để đảm bảo khoản vay, bà H có thế chấp cho Ngân hàng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07749 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 07/12/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS07750 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 07/12/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08570 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 31/12/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS09109 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 31/12/2019; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03321dE do Ủy ban nhân dân thị xã K cấp ngày 15/12/2020.

Do bà H đã vi phạm thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/02/2023) số tiền 2.944.288.015 đồng (trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 255.668.884 đồng, lãi quá hạn: 126.068.014 đồng, gốc lãi thẻ tín dụng: 62.551.117 đồng).

Yêu cầu thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị mở thẻ tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng từ ngày 17/01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Tiếp tục duy trì thế chấp bất động sản theo Hợp đồng tín dụng số 18421/21MN/HĐTD ngày 08/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ gốc và lãi phát sinh.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ

tại khóm C, phường V, thành phố K về tình trạng cư trú của bà H, được biết bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tại địa phương nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, không rõ đi đầu và làm gì. Đồng thời, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về giải quyết vụ án:

Xét, việc vay nợ giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bị đơn bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với bà H. Thấy rằng, tài sản thế chấp của bà H tại Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp đã nêu có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, do đó trường hợp bà H không thanh toán hết số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật thì phía Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về thi hành án để xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

Đối với bị đơn bà H mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý, triệu tập hợp lệ hòa giải nhưng bà H không tham gia, cố tình né tránh, không cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bà H không đến, không ý kiến thể hiện bà đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 70, Điều 91 BLTTDS, nên bà phải chịu trách nhiệm về yêu cầu cũng như chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp.

Từ những cơ sở phân tích trên. Căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7,8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Xét nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lưu Thị Kim H có nơi cư trú tại khóm C, phường V, thành phố K. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện tại Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc là phù hợp, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản:

Xét Hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng, đề nghị mở thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và bà H được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay:

Căn cứ Đề nghị mở thẻ tín dụng, Hợp đồng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng giữa Ngân hàng và bà H; lời khai đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định vốn vay của Hợp đồng tín dụng trên là 1.700.000.000 (một tỷ bảy trăm triệu) đồng và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 18421/21MN/HĐTD/PL01 ngày 04/10/2021 số tiền 800.000 (tám trăm triệu) đồng, Đề nghị mở thẻ tín dụng ngày 25/3/2021số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng. Mục đích vay: Bù đắp vốn chăn nuôi và phục vụ tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay: Thay đổi theo từng thời kỳ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng, kích hoạt thẻ đến nay, bà H chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.944.288.015 đồng (trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 255.668.884 đồng, lãi quá hạn: 126.068.014 đồng, , gốc lãi thẻ tín dụng: 62.551.117 đồng), đồng thời tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/01/2023 theo hợp đồng tín dụng và đề nghị mở thẻ tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/01/2023), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức

lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa Ngân hàng với bà Lưu Thị Kim H để đảm bảo thi hành án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 42.992.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 90.886.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 7,8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng X, buộc bà Lưu Thị Kim H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X 2.944.288.015 đồng (trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn: 255.668.884 đồng, lãi quá hạn: 126.068.014 đồng, , gốc lãi thẻ tín dụng: 62.551.117 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/01/2023), bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[2] Tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp số 13967/21MN/HĐBĐ ngày 08/5/2021; số 27107/21MN/HĐBĐ ngày 01/10/2021giữa Ngân hàng X với bà Lưu Thị Kim H để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 42.992.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002792 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Ngân hàng X.

Bà Lưu Thị Kim H phải chịu 90.886.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng X có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lưu Thị Kim H là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà